

# QUẢNG HOÀNG MINH TẬP

## QUYỂN 23

### THIÊN THỨ NĂM: TẶNG HẠNH

Tựa rằng: Nói về Tặng lấy sáu hòa làm thể, đó là giới, kiến, lợi và ba nghiệp. Do đây đạo hợp tối sáng, đức thông Hiền thánh, mở vật thành việc thì phước giúp người trời, dẫn giải luật nghi thì hóa rủ có không và do thức kính sáu hòa nêu rõ Tam bảo, trong rộng cứu bốn ma, ngoài khuyh màn tám mạn, bèn khiến ba ngàn cõi nước đều bảm thọ phép tắc của Tặng, sáu vạn năm xa đều vâng theo tiếng giáo, chẳng phải Tặng hoàng ngự thì ai chán đây ư? Nhưng thời đạo hợp giáng sâu, đời trăm sáu dương chín, bụi theo tin hủy, hoài lợi dụng an nguy, thông người không dính mắc, gượng ép, hèn tẻ có ngăn trở ở thời tụng, cho nên khiến nhiều tà chánh, bày dẫn khang trang, tâm còn sáng tối, hiển lên cơ đường lớn, là biết bạn mãn nguyện, nương đường nhỏ mà tiếp sinh, luân trời thực, gởi tà đồ mà hóa vật, đánh bày hạch xét ở đến đạo, rộng dụ ở quyền mưu, chưa đội oai dung, chỉ giữ lừa chấp. Như đây nói luân thì chung ở lý hạnh, hoặc không đạt vọng khởi đầu mỗi khác, như thấy đi bên trái lầm tránh lạm võng càng nhiều.

Chớ suy nghĩ phiền hoặc của mình, chuyên sợ kia trái nghi với tức sấm đồng gánh vác mạo hiểm tàn càng diệt. Nêu hạ phạm ôm oán thù mà tiêu vong bậc thượng Thánh thượng an nhẫn hung ngược. Từ xưa vua loài người ân cần xem xét kinh hưng vong, mở lưới rộng nuốt ghe, trải chánh sách rộng dung dưỡng, mở rộng nhân phong nơi ngưng nội, ngồi hưởng thái bình, rộng nêu ra chỗ thành phép tắc, thết đãi của cải lớn này, còn bao nhiêu thì xét xét loạn nêu trái cách ngôn thuần mới. Thâu lưới lỗi lầm, ôm nghi mở thâm khiến, đến lỗi sau làm quạt tai ương. Đê điều chớ mở, che nước mắt hỏi góc, đây cần như làm trò cười cho thiên hạ. Cho nên nhóm các sửa đổi, rải đường hiền minh, hoặc kháng chiếu mà lập lời nói thẳng, hoặc khởi luận để rõ chánh bản, hoặc bao ngưỡng mà tôn sùng cao thượng, hoặc ngậm đau buồn mà nêu lời cầu cúng, đạo này có thể xét giúp đời sau nêu.

**TỔNG MỤC TẶNG HÀNH, HOÀNG MINH TẬP ĐỜI LƯƠNG**

Đời Tấn, Dữu Bãng làm vua ra chiếu chỉ khiến Tăng chí kính. Đời Tần, Thượng Thư Lĩnh Hà Sung kiến nghị hợp tấu. Đời Tấn, Hoàn Huyền Thư Luận Đạo Nhân kính vương giả. Hoàn Huyền hựu thư kính nghị. Thích Tuệ Viễn gửi thư cho Hoàn Huyền nói về bất kính. Hoàn Sở Ngụy chiếu Sa-môn không cần kính. Thích Tuệ Viễn, Sa-môn Bất Kính Vương Giả Luận. Thích Tuệ Viễn gửi thư cho Hoàn Huyền nói về việc sa thải. Chi Đạo Lâm gửi thư cho Hoàn Huyền nói về sách Tăng. Trịnh Đạo Tử gửi thư nói về ngôi xóm ăn. Phạm Bá Luân gửi thư nói về ngôi xóm ăn. Phạm Bá Luân dâng biểu nói về ngôi xóm ăn. Thích Tuệ Nghi đáp thư Phạm Bá Luân. Phạm Bá Luân gửi thư cho hai Pháp sư Sinh, Quán. Hậu Tần, vua ra chiếu lệnh Hoàn nêu việc hai Pháp sư bỏ đạo. La-thập gửi thư cho chúa Tần nói về việc Hoàn nêu bỏ đạo. Thích Tuệ Viễn đáp thư Hoàn Huyền lĩnh phản tặc. Thích Tăng Nghiễm đáp thư Lưu Công không hoàn tặc. Thích Đạo Thanh bạch với Tề Võ về việc sa thải.

**TỔNG MỤC CỦA THIÊN TẶNG HẠNH TRONG QUẢNG HOÀNG MINH TẬP ĐỜI ĐƯỜNG**

Đời Đông Tấn, Khâu Hộ Chi Đàm Đế điếu. Hậu Tần, Thích Tăng Triệu, La-thập điếu.

Đời Tống, Thích Tuệ Lâm, Thích Pháp Cương, điếu.

Đời Tống, Thích Tuệ Lâm, Trúc Đạo Sinh, lụy.

Đời Tống, Tạ Linh Vận, Thích Đàm Long, điếu.

Đời Tống, Tạ Linh Vận, Thích Tuệ Viễn điếu.

Đời Tống, Trương Sướng Nhã, Na Sơn Thích Pháp kính điếu.

Nam Tề, Thích Tuệ Lâm, Thích Huyền Vận điếu.

Nam Tề, Luật sư Thích Trí Xứng điếu. Nam Tề, Pháp sư Ngu Hy Cảnh hành trạng.

Đời Lương, Thẩm Ước, Tịnh Tú Ni hành trạng.

Đời Tống, Hiếu Võ Sa Thải Tăng Đồ chiếu.

Nguyên Ngụy, Hiếu Văn Bao, chiếu Sùng Chư Tăng. Nam Tề, Thẩm Hưu Văn, thuật về luận Trung Thực.

Thẩm Hưu Văn thuật lại luận Tăng Hội Thực.

Bắc Tề, Văn Tuyên, chiếu Sa Thải Tăng Nghị.

Đời Lương, Giản Văn Điếu gửi thư cho Pháp sư Đạo Trường.

Đời Lương, Tấn An Vương cùng Sở Bộ Tăng Chánh giáo.

Đời Lương, Vương Quân gửi thư cho Đông Dương Thanh Pháp sư.

Đời Lương, Thích Trí Lâm gửi thư cho Nhữ Nam Châu Ngung.  
Đời Lương, Lưu Hiếu Tiêu gửi thư cho Pháp sư Cử.  
Đời Lương, Vương Mạn Dĩnh gửi thư cho Hiệu Pháp sư.  
Đời Lương, Lưu Chi Lâm gửi thư điều Pháp sư Chấn mất.  
Đời Lương, Lưu Chi gửi thư điều Chấn Huỳnh Lý Kính Phỉ.  
Đời Lương, Lưu Chi Lâm thư điều kinh Tăng Chánh mất.  
Đời Trần, Từ Lăng Giản, Nhân Sơn Thâm Pháp sư thư bỏ đạo.  
Đời Chu, Thích Đàm Tích, vua Võ Đế xin dừng việc sa thải.  
Đời Quỳ gửi thư Thiền sư Tiên Thành Tuệ Mạng.  
U Lâm, Sa-môn Thích Tuệ Mạng đáp thư Bắc Tề, Đới tiên sinh.  
Đời Tùy, nội sử Tiết Đạo Hoàn gửi thư điều Pháp sư Diên mất.  
Đời Tùy, Thích Ngạn Tông nói về Phước Điền.  
Đời Đường, Cao Tổ chiếu hỏi Tăng xuất gia lợi ích hay tổn hại.  
Đời Đường, Cao Tổ ra chiếu sa thải đạo Phật.  
Đời Đường, Thái Tôn chiếu lệnh Đạo sĩ ở trước Tăng.  
Nay vua chiếu lệnh bàn Sa-môn kính ba đại.

-----

## **THIÊN THỨ NĂM: TẶNG HẠNH (Phần Đầu)**

Chư Tăng điều Hành Trạng, Chi Đàm Đế, Trúc La-thập, Thích Pháp Cương, Trúc Đạo Sinh, Thích Đàm Long, Thích Tuệ Viên, Thích Huyền Kính, Thích Huyền Vận, Thích Trí Xứng, Thích Huyền Cảnh, Thích Tịnh Tú.

### **ĐIỀU ĐẠO SĨ CHI ĐÀM ĐẾ, ĐỜI ĐÔNG TẤN, KHÂU ĐẠO HỘ**

Ngày ấy tháng năm, niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ bảy đời Tấn, Đạo sĩ Chi Đàm Đế qua đời, thọ sáu mươi lăm tuổi buồn thay!

Pháp sư Triệu Dận ở Tây Vực, vốn sinh ở Khang Cư, lấy tên nước làm họ. Đã nhận lãnh lời thầy dạy, bèn theo pháp họ là Chi. Từ quận Ngô Hưng, huyện Ô Trình, làng Đô, thôn Thiên Thu, giúp trình khí kim thương, nhờ Thiều luật của Dương Dục, mạo muội phương xa mà đến, vượt núi sông mà bảm thân, thức tỉnh tinh túy trong sạch, phong vũ sáng sạch nghiêm túc, đạo nêu ở thiên kỳ, đức bày nơi đồ trong trắng. Trình ngộ riêng cứu, các đạo khác không đáng để động tâm kia. Chí thành rất bền, các luận đâu thể can chấp kia. Do đây vượt trần tuyệt đến, tuệ chỉ phát huy lúc còn nhỏ, nghiên cứu đam mê đạo nhiệm mầu, đạo lực sáng chiếu lúc tuổi xế chiều. Cho nên có thể nắm linh phong ở cảnh thân, giảng diệu hóa nơi lý. Tế thanh bậc tiền triết, cung kính đạo tục mà quy hoài, đạo bước các nơi mở bày nghiệp lớn, khéo xét chỗ nói sâu, lời trong chốn vi diệu, lại khéo dùng văn từ, biết thưởng thức tham lưu. Vốn đã đều khế hợp phong thảng, lãnh trùm nhất thời.

Lúc ngài trung niên bèn khảng khái để bèn thành nạn đặt ở tối sâu làm tiết. Vả lại tánh non nước vốn ưa tự nhiên, tịnh ngoài lặng thể tự nhiên tâm. Vì vậy duyên dứt, người phong là ẩn dấu vết ở non cao hang núi. Bèn xét nhà ở quận Ngô Hưng cho nên chướng Côn Sơn, vị đạo sùng hóa hơn hai mươi hai năm, nghiệp dừng chỗ rộng, rửa được tâm điền cấu, đẹp của nơm tượng đủ đến niên hiệu Hưng Vĩnh.

Vì thế, tông sáng quy nhân từ các phương nhóm lại, khâm phục tông phong, lòng hướng về không xa mà hỏi thăm bền. Thường mong anh hào, thường thỉnh mời giúp giảng, Ngài tâm trống ứng vật, không thường do động dừng mà đổ tâm, suy thành thuật nghĩa. Trước hết do đạo tục khác đầu mối, trong kia bao trùm nhất là đức, lại xa gần chỗ suy mới toan rưới quét đường màu dứt hết gió dữ, vượt ngoài cấp diệu kỳ phát họa, suốt vết nhiệm mầu. Tiếc không hằng còn, bị bệnh mà mất, người biết nói là rất đau đớn mất Ngài, thoáng buồn tình cảm chỉ

là tốt. Bởi không chức tước mà sang, sống vinh chết thường là nghĩa này. Dầu chí lý thâm một phen còn mất định ở hình ban đầu, thức màu khéo chiếu soi hình khí đồng hư hoại, nhưng thiếu tình hện ở cảnh mừng thích, chưa mất tâm ly hội, cũng đâu thể không cho được mất là buồn vui, đến trường mà đau đớn thay! Nếu thâm bỏ nạn thể, gửi nơm hàn để nhớ mong gió, việu lộng mềm chút tình, xét trong sáng nơi không cùng bèn làm điếu rằng:

Dằng dặc trọn xưa, mập mờ đường huyền, diệu duyên chớ hỏi, ngủ dài chẳng tỉnh, sinh diệt phân vân, động dừng xen nhau, theo nhau trăm đời, lá lý càng mọt, nước chìm trần lao, ai biết kia cũ, đến người thừa vận. Trong linh giác mở đầu, chưa thấy biển cả, giếng ếch cho là chẳng nhỏ, sáng lớn dung lãng, đêm tối bèn sáng rõ, dứt có về không, trừ tối liền sáng rõ, đạo hiệp vô phương, nhân giúp cầm điếu, người mê chẳng sót, người biết càng rõ, siêu thay Pháp sư, đạo tánh tự nhiên, nhất tâm tuyệt tục, kỳ thành trọn huyền, nghiên cứu vi diệu thần phong, khéo ngộ không môn, trần chỗ chấp trước ở tột kỳ tổn hại, lụy đó đã dẫn, thừa bạch càng bền chắc, lặc rơi trần ràng buộc, lời kéo vược linh, nghiêm túc trình vận, lênh láng xung kia, gắng gỏi tiến kia, hòa mà khảng khái, khác mà không cao, dùng tâm riêng được, nêu tướng ngàn nhãn, trống để ứng vật, không đến chẳng thuận, đạo khắp mở mang hóa đạo, rung tiếng vang nêu sáng suốt, khai đạo quán huyền mở rộng cửa linh. Vị chế thâm tột, mỗ xe u mâu, quên lòng khéo rót, lặng nghĩ chẳng trái, hội thông các phương, gồm đó quy về, xa kháng thuận lưới, mở pháp vị bền chắc, nối diệu tuệ đây bèn xét oai thần, cảnh tối vắng lặng vào quán đất dẫn, nhàn rồi sâu xa khác một, hoa lãng xãng khó dứt. Ngài vẫn khái nhiên trong chế ngự ẩn xót thương, bói ở sông núi làm nhà rừng sâu, trừ bỏ duyên ngoài, ẩn tính yếu thông minh bên trong, chẳng phải nơm không phục, chẳng vi diệu thì không cùng, rậm rạp Côn lãnh, đồi gò cao lớn, núi liền mây đẹp, hang xa ngoằn ngoèo, sân mát tiêu điều, quanh thêm ao trong, che lấp xa kia, trang nghiêm hư không kia, mờ xa gió màu, Tăng đồ trầm lặng, vị đạo nhà trống thân ở vắng lặng, tâm theo đạo thân, tình cùng tục sơ, đạo vốn không riêng lẻ, đức quyết có gần gũi, vược trong dẫn ánh sáng, nghiệp thù thắng nhớ người, tông phong nhiệm mầu, từ xa khách đến cũng có chỗ khoe.

Khi đến hỏi bến lẳng lặng không cùng, ngày ngày thần vương, rừng nhường có cảm tạ, đạo tâm thường mới, thánh triết vi tuyệt, hiền nêu trái nghĩa che mờ ngọn vận, huyền hóa sắp thuận, phu tử yên tĩnh đạo tục quy tâm, ngộ hầu hưởng năm xa, nắm dây rụng đây, bằng đầu

không điều, bỏ đời hằng xa, nghi cảnh về dài, chết rồi không theo, loài có thức rất thâm sâu, loài hàm tình đồng bi thương. Ôi thôi, thương thay! Đầy kéo vấn vương, đột ngột chìm sâu tin xưa yên nhàn cõi thanh tịnh, hang tối nường hoa cỏ hoặc rửa giặt chỗ nước xiết, dừng nghĩ nơi trúc xanh, thường khởi danh thìn, chén rộng hứng cúc, lê, bưởi ngon ngọt, cây lác măng tre làm. Phú, thi, vịnh... rõ ràng đều đủ, lòng xuân dạo đây, tưởng đó ở mắt, thương thay gặp đây ngàn năm không gặp lại nữa. Bước xưa thắm nhuần khoe khoang, nhìn phần mộ mà buồn khóc, Ô hô, thương thay! Có quyết rồi không, ban đầu thì sẽ quy về chung cuộc, người hiểu biết khéo quán sát, ngàn năm một ngày. Người mê muội hoặc ứng hoành làm lành dữ. Pháp sư xa rồi, xưa trở lại nhà huyền diệu, siêng năng nhiều kiếp, không chóng mà mau, ngộ hậu tạo duyên thâm, trọn hội linh thuật, diệu hạnh phí chớ là rất tán chất, tình nơi chưa tối, buồn vì tự mất, gởi chút lòng sạch nhờ gió màu chớ thuật ô hô thương thay!

### THÍCH TĂNG TRIỆU ĐIỀU PHÁP SƯ CƯU-MA-LA-THẬP

Đạo không tự mở mang, mở mang là do người, tục không tự giác, giác phải đợi thầy, đợi thầy cho nên đời có thời kỳ ngộ cao. Do người cho nên đạo có vận nhỏ thành, vận ở nhỏ thành thì bến linh liền chảy, ở thời kỳ ngộ cao thì nhiệm mầu có thể đến. Nhưng bậc Năng Nhân nhất thời đại thờ thầy ngàn năm, tà tâm đứng sai tranh khởi. Cho nên khiến linh quy ẩn mất, mối dây gần như lộn lạo.

Có Pháp sư Thập để lại lời dạy của bậc Tiên giác, suy nghĩ nghi ngờ phương lớn rong ruổi ôm quán sát cao, xét lăng trì của đạo Thích, tiếc cùng kiệt của chúng sinh, cho nên bèn thần nghi mau chóng, ngụ hình lý tục, buông nường sợ lớn là thời thành hào, đời đó ngu an thì giác dùng âm lớn, thời đem sáng tối chính là do mặt trời tuệ, tư kiết thuận lười ở đạo tiêu, nối sợi rụng nơi cùng vận, cho nên nường thời để hiểu, lằm lạp để sửa cho ngay, một phen giữ lại thì thời gian không xen trước, lại đánh thì xa, quy nhân ở lúc này. Xe dê nay gãy trục, xe sáu vị giáo chủ ngoại đạo mất vết, nhiệm mầu hai tướng đã rõ, thâm sâu của Nhất thừa cũng hiển, là do ngôi thẳng núi Đông âm vang chạy tám cực. Thần nhiên vui vẻ dạy dỗ mà chín dòng thuận suy nghĩ, cho nên hai Đại vương Đại Tần, Phù Diêu trở về để kéo dài nhân vương này.

Tâm đạo cửa đại giác, hình trấn trên muôn hóa ngoài nêu gió hy hòa, trong đựng thuật hồng pháp. Đạo khế thần giao, cong làm hình trao. Ngài cho tông thầy không trọng thì đạo kia không tôn, cho nên

chứa lòng thần báo cảm mà sau động. Tự hình Ngài ứng ở Tần Xuyên, như đốc rồng sáng rỡ thần quang, mở rộng đại tông hy hòa ra phù tang, dung trị thường đạo tốt lại nhiệm mầu, đóng tà ngộ, thân kính cẩn đối với sự tốt đẹp của danh giáo, lời đã hợp thời, lý có viện hội, cho nên bàn luận chẳng luống khởi, đạo không luống xướng. Đây là tổng pháp lại chấn động ở Diêm-phù, bánh xe phạm hạnh lại chuyển ở trời Bắc. Tự chẳng ngôi vị vượt tu thành tinh thể trăm lần luyện, hạnh chứa ứng thời, ai khế hợp được đây?

Tóm lại, kia vì mở mang giảng ở xuân dương, vì dứt hoạn nên khích lệ ở sương thu, cho nên vôi vọi mênh mông, vận cao không bờ, nhưng vận hẹp khởi tối, như người nói là xế chiều (tuổi già).

Năm Quý Sửu, ngày 13 tháng 04, bảy mươi tuổi ngoài, mất tại chùa lớn. Ô hô! Buồn thay! Thầy đi về Tây, trực linh gãy mé đông, sáng rơi rụng ánh quang, núi báu sụp lở, trời đất mờ tối, xe mê xoay chín, vòng, cửa thần lại đóng, ba đường tranh nhau mở, ánh sáng đêm đáng tiếc, mất rồi tiếc thay! Cảm trời đất, người trăm lòng như một bên làm điệu rằng:

Tiên giác đi xa, gió linh mờ tím, thông tiên ẩn mất, ứng chân mờ mịt, rậm rạp chín dòng, đứng sai tranh khởi. Đạo xa mất rồi, thần căn chìm mất, đời không có kim chỉ nam ai biết qua chỗ tối, bậc đại nhân xa giác, u hoài riêng ngộ, xung ngộ lặng im ôm nhiệm mầu trong trắng đây ứng thời kỳ đến chỗ, liệng cánh nơi trời cao đã nói là ứng vận, nên đứng thời trông mong. Thọ sinh nương lợi, hình nêu tướng lạ, tuổi ấu thơ tài giỏi hơn người, lúc còn nhỏ khởi lường được, suy nghĩ không lại trải qua, ngộ không đợi thầy, chân bước tám Chánh đạo, thần đi ba hướng, gốc huyền diệu duyên đáng tốt tươi, âm rộng xướng xa. Lại do kháng tiết bỗng bỏ vinh hoa ở đời theo cùng cửa đạo, tôn trọng chay tịnh, có kinh điển thì tra cứu, có điều mầu nhiệm thì biên chép, hồng không tự thế, tông không suy nghĩ tộc họ. Sương đóng như băng, thần an như núi, dấu vết ngoài càng cao, trong sáng càng đủ, vận cao lồng lộng, đáng làm khuôn phép đáng làm nhân duyên. Trầm lặng xung đức chỉ có chân diệu, tịnh để thông huyền, động để ứng nhân, nói là báu ở đời, im lặng là quý báu của thời, phong hoa đã lập hai giáo cũng là khách ai cho là đạo tiêu? Huyền hóa phương mới là giáo của tự Ngài, đạo đều mở mang giáo hóa, gió linh cửa xa, tiếng vang vượt hẳn vọt lên cao, mở rộng phương lớn này.

Nhưng đèn tuệ này tiếng đạo mới xướng lưới tục liền rách, gốc nghi càng nhỏ thượng thiện càng thêm, người ở tục đường kia không



phương hướng, tất cả quần hữu này, cái khay của lưới lũng đây, thuận dùng bốn ân, giáng dùng sương tuệ, như Duy-ma kia dấu vết nơi thành phường, hình dấu viên ứng, thần xung hướng về vua đến giáo chỉ có diệu đầu đủ để giấu, lớn thay đại nhân!

Chấn thanh viên đức nêu danh tướng này, hiển xung mặc kia, dùng chung các diệu, ước dùng huyền tắc, mới thanh Bát-nhã để ứng trời bắc, thế nào khó chỗ. Thôn tối thâm khắc, đường trời ai thông, ba nẻo ai đóng, ô hô thương thay! Chí nhân vô vi mà không đâu chẳng vi, lưới quyền lồng xa, lưới dài không thể chẳng xa, thuận ân dưới lưới câu khách lữ trên bắt giữ, thật thà khéo dụ, nghiêm túc gió đuổi, đạo có công năng thay đổi thế tục, hóa có thể đổi thời, đâu ngại trời cao, bẻ gãy linh quy này, chí chân đã qua, một đạo đầu lập bày, trời người thương khóc buồn động thần linh, ô hô thương thay!

Ngài đã mất, thời chỉ có trăm sáu, đường thợ đập cân, bánh xe phạm gãy trục, triều dương đổ bóng núi Quỳnh nghiêng đổ, vũ trụ tối tăm, đã mất mất đạo, thương thay cho chúng sinh ai vỗ về ai nuôi nấng, khắp trời buồn cảm, tôi thêm rướm máu, ô hô thương thay!

Xưa ta một thời từng dạo sông nhân, tôn các sóng kia, biên soạn hư huyền dụng đó không cùng, khoan đó càng cứng, mặt trời vọt lên tuyết, suy nghĩ thêm mấy năm, tình vi diệu chưa bày, đã theo hóa đời như có thể mua chuộc, lẫn lộn đó cả ngàn thời không thể đợi, mạng chẳng thể kéo dài, chỉ có thân người, chẳng nương nhân duyên, rong ruổi đất trời, tình buồn trời lồng lộng, ô hô thương thay!

### **THÍCH TUỆ LÂM, ĐỜI TỔNG, ĐIỀU PHÁP SƯ VÕ KHÂU PHÁP CƯƠNG**

Tháng mười một mùa Đông năm Tân Mùi niên hiệu Nguyên Gia thứ mười một, Pháp sư Pháp Cương mất ô hô thương thay!

Chót vót lập phương, mạnh khỏe đã thương tổn ở thông nhâm, thấp theo viên tỷ lại thiếu cương khiết, ở núi giúp tộ khô héo, ấp thôn chỉ đến hoạn ồn ào chật hẹp, chước hai tình mà chọn hai việc, Pháp sư kia có đủ. Lúc nhỏ dạo kinh hoa, lớn dừng ở u lộc (chân núi), vui chí ra vào, nương tình qua lại, khinh nhàm nhân lưu, rảnh đến với cây đá, gò hang vắng lặng cầu quán nơi vật loại, người cho là không có tiết tháo lạ kỳ. Tôi thấy Sư thật vậy, thiên tánh thông minh, hun đúc dần phong vị, theo dung tình lý, thường nhờ văn nghĩa, giao du người đôn hậu, hiển bày hoàn toàn khế hợp, tiến đến kính mến đạo ngoài, chôn thân pháp phục, châu anh lụy sớm dứt, ngón chân ngang giữa thân cương, trở ngại



đan xen, xưa phán hướng chi dấu vết uốn nắn tang môn, hướng thường nương nhờ.

Xưa do tình cờ gặp gỡ giao du, đồng dùng trừ bỏ, càng khế hợp quần chúng rải lòng duỗi bỏ bực tức. Để đến năm nay bèn nắm tay dạo nơi Lương bắc, cánh dừng nước Đặng, ăn gió hang trống ôm đạo bến màu, sánh vui đồng yến tiệc ngàn năm một thuở. Từ rừng liền chim tan, am nhà bỗng đây kỹ, ông gần cành cao, tôi chìm bùn đục, thường nhờ dự đoạn gặp chỗ sạch sẽ bèn thành riêng biển núi cao mát, sóng đông lớn phí phục, cảnh Tây chớ có thâu, đến tận sông chinh chiến trở về cốt ở gò, ô hô thương thay!

Ngài họ Ân là con cháu nhà Thang, tiếng vinh là trung vi, nguồn dòng chiếu sáng. Lúc nhỏ gặp Mẫn Hung, tông không người kế thừa, từ kết kinh doanh, nương đây nuôi dưỡng, đến ba năm, năm năm, thông minh đỉnh đạt đều kỳ lạ sánh cùng bậc tài giỏi. Kết đội La Tề Dĩnh, chí hẹp giữa khu, suy nghĩ chọn thần cảnh, chợt lạc sinh gần, kính mến duyên lâu đã theo dấu màu, hiểu rõ danh tích, ngoài nhân nghĩa thông suốt chẳng lằm, nhà đục chẳng theo, ngồi để hội đến. Chẳng nương cửa châu, xét dự đoán như vách núi, đến chẳng chậm chân, đi không tuyệt cảnh, bay lên bay xuống lên mất, tới lui tổn ích. Tôi ghét sóng nổi, ông có thể tức tâm đều tưởng tận đạo sâu, đồng nhóm rừng đức, đều vung gió hòa, cùng lắng nghe âm thanh mầu nhiệm, từ cung đến nước ở mắt ở tai, đến hóa dài xa, khiến suy nghĩ trầm ngâm cũng đã lìa bỏ. Thiên đạo sáng rõ, ông ra núi xưa, tôi lại xa dòng họ, ngõ hầu nương hòa vận đồng mát cùng nghĩ, tro lạnh bỏ khói, lá rụng lia cành, trái nguyện chớ theo. Ông bèn tạ thế, người nói rằng chết, gió mong che ngăn, ô hô thương thay!

Đông đen băng giá, bờ sông tiêu điều, gió lạnh bay màn, bay sương vào thuyền, mạng có gần dừng, đường về còn xa, buồn rầu liền hết, vắng lặng đau thương, cô lữ như mộng đều hóa không áo rộng, ô hô thương thay!

Lòng đạo ở Hồ Khâu, truy diệu thâm diệt ở núi Lô, chỉ chép nhật ở Trung kinh, niệm đất dẫn nơi phiến cảnh, tình phiêu diêu nơi song loan, ý nghĩ quán quýt nơi hai tỉnh, đầu vấn vương vô cực, tâm chứa nghẹn hơi, xem đông lạnh đã tàn, nhờ thanh nóng đã dứt, bốn vận phân tới lui, tình hện sâu xa để dài che đây, nếu duyên đến thì chẳng mất cuốn tuổi đời để thêm suy lường, ô hô thương thay!

## THÍCH TUỆ LÂM, ĐỜI TỔNG, ĐIỀU PHÁP SƯ TRÚC ĐẠO SINH Ở CHÙA LONG QUANG

Tháng mười mùa đông năm Canh Tý niên hiệu Nguyên Gia mười một, Pháp sư Đạo Sinh tịch ở Lô Sơn. Ô hô thương thay! Người lành cáo tận, người tiền đưa đau xót không cạn, bao hàm lý gọi là diệt, như tiếc lại sâu. Pháp sư vốn họ Ngụy người ở Cổ Thành, cha là quan huyện Quảng Thích. Lúc nhỏ rất lạ kỳ, dất lên Pháp sư Pháp Thải liền đổi y phục theo nghiệp tu trì. Thiên tư thông minh, tư ngộ đỉnh đạt, chí học đến năm liền lên tòa giảng pháp.

Lúc bấy giờ người mong Tăng đạo có tài nổi tiếng đều cùng lời khâm phục tinh chí kia, Lỗ vận khuất phục Điền Ba, Hạng Thác hàng phục Khổng Tẩu, cũng không hơn đây. Thêm do tánh tịnh mà cứng rắn khí hài hòa mà dễ tôn, hỷ xả để dẫn dụ, cho nên vật càng trọng. Trung niên du học rộng tìm tòi điều hay lạ, từ Dương đến Tần, bên Lư đập Hoắc, tôn thú Đại thừa của La-thập, yếu chỉ tiểu đạo của Đề-bà đều xướng bày ý chỉ, nghiên cứu nêu sự sâu xa kia, chỗ nghe mỗi ngày suy nghĩ chỗ thấy càng thâm sâu, đã ngộ nói rằng: “Tượng là chỗ nhờ nương của lý, chấp tượng thì mê lý. Giáo là sở nhân của hóa, buộc giáo thì ngu hóa”, do đây gạn danh trách thật, làm nơi luống dối hoang đường. Cầu tâm ứng sự, mê muội cách ngôn, từ xưa tương truyền thừa học của Trung Hoa, chưa ai có thể nói ra lời thành thật như thế. Bèn thâm mê riêng vận để lại di tích, vì thế các kinh vén mây quần các nghi nước Thích. Ý chỉ của Thích-ca đạu nhiên có thể tìm, lời quý báu đều thành luận chung, Đam Chu bày danh giáo, Tú Bất lãnh tâm huyền diệu, ở đây là dễ, vật kỳ quang đỉnh, người vết tỳ trình việt. Oán kết đồng phục, khéo đổ bày du động, bèn rủ cánh kiểng chân, cảnh trong hang núi vâng dạy chí đạo, đến dấu Ngu Công vết lên thuyền, có xưa không quy mạng tận núi Lộc, buồn khởi ở chốn kinh kỳ, ô hô thương thay!

Sông Tứ, sông biện trong sạch, cao vút Lữ Lương chỉ là thực linh, nuôi sáng đẹp đây, như cỏ lan, như ngọc cản của đá, chẳng nói rằng huân điều thành thơm tho sắc sỡ. Ban đầu chí học phục ứng vết máu, qua tai rõ tâm, mở văn điều hóa sách, nếu lên giảng chẳng chương không chiết, khéo dùng lời ước, phát còn lời lại, có hiểu biết khâm phục thừa lệnh, nhằm là tìm tòi sâu xa.

Trung niên nghiên cứu giáo điển, lý trước chưa tột, dụng là du phương cầu các điều sâu kín, dấu gặp nghe điều khác nhau càng giác ngộ cùng gần, cùng đường không trở về, xoay chuyển đổi xót thương, trừ bỏ danh tích, mở mang sự biểu, đâu trệ chẳng thông, đâu phải tối

tầm không hiểu. Nếu ra khỏi triều cầm sáng kia rực rỡ, bốn quả, thập trụ nhờ đó bay lên, đổi đó ngựa trâu, khỏe đó chim cá, ai gạn thật đây? Phí mê đạo này? Am lưu đạo này? Bảo ông dạy rằng: “Đạo thành thật ở đây”, các người nghe đều phải xét, không riêng chống chọi nhau, tiêu hủy đa văn tôi cho là không hại, khuyên khéo tuyên truyền, biết chung sức trình thành, thấy dạy dỗ ồn ào, âm thầm bỏ lớn, nghỉ đây vọt miệng thêm dừng hoặc anh, chạy xa đầm tre theo nguồn suối suy nghĩ, không ngại sông gò, ngõ hầu nương nhàn rồi nói rằng: Người nhân thì sống lâu, mạng là có treo, không hề lâu xa, cỏ lan cỏ tôn liền loại, khí thương tổn cả đôi, ô hô thương thay!

Niệm mới lia ba thu cái chiều, gió tức lưu tình, mây cao rừng sạch, tống biệt bốn Nam, giao tay chia đường bỏ đi mờ昧, đau đớn tình đôi hoài, ai ở ẩn mất đều theo sông ngân, lo nghĩ là xa trái, khác thành hàng xen lẫn nhau, ô hô thương thay!

Nhớ đến gió đó bật âm vang tiễn đi, mây đó đâu có nhân, dằng đặc ba tông đã từ tạ, chuyển hiến tuổi ở xuân này, nghe dương cầm vui vẻ, ngắm khói thần khí dày đặc, niệm tưởng tự ở tháng này, tin tập nghiệp tốt đẹp, ẩn giảng đường không thấy, xót xa tòa cao trống chẳng nghe, khen nhân sự để khoe lý, buồn duyên tình do nhớ người, ô hô thương thay!

Thiên đạo mờ昧, tin thuận đáng suy tìm, lý không tiêu diệt ngõ hầu đều đồng về, thân yếu đáng lược, tình niệm đáng để lại, chương ngắn không rộng trải truyền bá, liền để buồn thương, ô hô thương thay!

### **TẠ LINH VẬN, ĐIỀU PHÁP SƯ ĐÀM LONG**

Hiệp lực lý đặt luận, bá gia chưa thấy phải kia, nhân tâm tự rõ, một mình không bệnh hoạn vấp vấp kia mà trọn biện nhau. Nếu ta đều muốn lật chìm được cứu rớt cuộc biết là ai, nhờ hành tích lập thì thiện ác chẳng gạn, tiếng dục truyền danh thì huân tốt xấu đồng hết. Nhưng ý chẳng phải chỗ khuất phục của thân, hẹn nêu ra kỳ hạn của mạng mắt thấy như người. Tuệ tâm sáng biết, phát ra lúc ấu thơ, sống tự bấm thọ tính hoa, gia đình suy kém vàng lụa lại thêm do khéo nương gợi hiểu tơ trúc, bọt dứt cảnh ở ngã tư đường, lộng dây đàn tiếng trúc ở quán hoa, chẳng luống qua tuần hợp sóc càng thêm trải qua năm tháng mà thôi. Thiết nghĩ Triệu lý đều nêu, Trình Trịch đến ẩn, đã hằng đêm ngộ riêng, giữa bữa nói lời than: “Than ôi! Buồn thay hân nhâm kip đến, đều về lo khổ”. Không chấm dứt gốc kia, siêu vượt ở đâu?

Vả lại ba cõi chìm đắm, chư Thiên đều nháy mắt, hướng chi Tề

Cảnh núi Ngưu, Triệu Võ mong mát thôi thúc tiết vật, sương móc ép ngắt, suy nguyện này nói y đầu thể lâu dài. Khẳng khái gọt bỏ vinh hoa, gồm giúp vật là chí của ta. Mẹ khoe khoang tâm kia, chị em bày tiết tháo kia, theo nhau đồng ý. Xuất gia cầu đạo một đời đã vậy, đóng cửa lìa đời vợ con dứt hẳn, hoan lạc hằng bỏ, đâu chỉ là từ hẳn chẳng vui. Phán đó đầy năm trọn xưa ân ái, ngày nay ràng buộc. Ghe lữ khách ngược dòng Nam đến Cảnh Lư Nhạc, một phen lên cửa đá ngọn Hương Lư, sáu năm không xuống núi, Tăng chúng kham nhận sâu xa kia. Pháp sư không đổi tiết kia, niệm cứu vật không cho ở tự kháng cự, bạn đồng học bị bệnh, chống gậy muôn dặm cứu giúp. Tôi khi hết bệnh ở núi Đông, theo gió động ham muốn, đâu mong người hẹn nghiêng du núi gây ra, Pháp sư đến thì ngay, người hèn nhọc mệt, thi trước bày thơ đã nhờ đó cho nên không còn phiền, đến ở giữa ngược núi thành thuyết, hết nghi thì được, tiếp nóc chông bờ đều nén suốt xa, nếm chi thuật mà cùng ăn, mở lời pháp mà đồng cuốn. Lại trải qua lạnh nóng chẳng gặp núi Dương chẳng có dung mạo mừng giận khiến y một phen sắc tiến rồi, thật minh ngộ sâu suốt, gọt rửa tay áo gần đai, nước sôi bỏ cấu mỏng, ngày quên bệnh kia, ngõ hầu đâu bạc đồng ở mà trái lìa không tượng, tin thuận chớ quy về gạn nhóm duyên gì, tiết chiều lo hiểm khích xa thấy tham cứu tìm tòi đến dứt trở ngại âm trần mới dứt. Gặp nóng làm bệnh chưa đến một tuần đã mất, thật mạng còn mất, hạnh này rất thật có lý do, nường hung cảm đau đớn, là thường tình, giấy mực mấy thời chẳng để tên này, bởi khâm phục chí tiết theo lâu dài bình sinh tự không thể im lặng cho nên bỏ lòng viện bút lời kia rằng:

Ngược tìm hình thức, cúi xét lý loại, lượm tiếng biết luật, nhỏ cỏ tranh thấy con nhím, vật cho là linh dị, người cho là trí quý, tức là thần minh xem xét ý vị, ban đầu ở tao nhã, tuệ tâm xưa xét, cỏ hoa đâm chồi rút lại, lòng ôm ngày tháng như vườn lan kia, gió hơn khí vượt như trời con, vén mây phát sáng cầu danh hẹn thân. Khích lệ tháo đông rồi, thẳng hoặc ngu ở đời, chưa hề gần giống, sống do ý thái, ý quản sinh lý, ai là mừng vui. Trình, Trịnh, Triệu, Lý, nhà chứa vàng lụa, tài luyện nghề nghiệp, ngẩng đầu phung phí, nhiều dây lụa đẹp, rượu say giọng nói ngắn, ý đẹp áo quần xa xỉ. Sáng ép cảnh hoàng hôn, chiều ky các sao, dạo chơi ban ngày, lạnh buốt đêm dài. Năm xưa mừng dòng, nhằm đến nhà, khổ vui xoay vòng đợi lúc chết đi, bỏ mà lại đến. Sống mau danh mượn ai có thể đổi đoạt? Thuật gì đổi đời? Tinh thô loạn giúp, thiện ác so le, tức tâm có hạn, đối với lý chẳng phép tắc, thử hạch xét các quán ngõ hầu được chỗ dòm ngó. Đạo gia thất bại, các dòng thiếu

xa giả danh hằng là ai? Bên nghĩa đầu ngược có riêng gồm quên, nhân tâm thì lành, tổn vật trầm mê, tham muốn rong ruổi kia, luyến phục kinh đô, chống gậy lên đỉnh Lô Sơn, từ chối hẳn vinh hoa, dứt hẳn núi tối, nhà đẹp rập khuôn, bỏ phiến hà đến đơn giản, người khổ nạn kia, ông lấy tịnh kia, tối đó thấy sáng, tức ngu thành tuyệt, trí đó thừa tình, đối lý nhuộm đen này, tiếc rẻ đã phí bỏ, vương cũng đầu cứu, ông đó khoe khoang là không khổ tiết, tiết khổ ở mình, lợi trình còn kia, để rõ sáng mờ tối, để từ với bọn lụy phiến, muốn dùng cứu giúp vật, trước nên cứu ở đây. Phát đau xót trái tình, trọn vậy lý phải. Lương Bằng dẫn vợ, Hà Điều gặp con, gà Tần tiếp người, hạnh ca thông rồi, ở đời nói là cao, ở đạo khác thấp hèn, đợi đến gặp Pháp sư riêng tuyệt thân lý, hình thọ để hết nhưng bằng lòng khó dừng phán, thừa tâm liên hóa, bỏ thân chẳng than, mền đạo càng gắng gổ, cảnh mạng đã yên, khoe vật từ núi, dứt hẳn lũ quán, ô hô thương thay!

Hồn khí theo đó kéo dài lằng mộ đã rõ, điều hâu, đế nhũ đồng thí, vườn sơn hiểu được, ô hô thương thay!

Dằng dặc niệm bình sinh, đồng tối chung sâu, dẫn nhau qua ban đầu đều là đến bến, mở đá thông suối, chọn kha rừng sớ, nhìn xa lớp lớp, gần thấy gặp ghềnh, sự ít đất rãnh, tìm vi tế xét sâu xa, câu nào không nghiên cứu, nghi ngờ che bỏ, mở sách cuốn trục, tạng vượt nếp giấy, hỏi qua đáp lại theo ngày hết đêm. Trường Thư, Kiệt Nịch cùng nhau cây ruộng, Bá Di, Thúc Tề chung rau vị, dầu đồng tâm vui, sự khác ý trái, nươg bình đốt lòng, nghe hung dữ buồn rầu, ai nói rằng không đau đớn? Giọt lệ thấm áo ô hô thương thay! Ô hô thương thay!

Đi lâu tiết đời, bên đất đổi khí, cuối thu giữa Đông, đạp quế đến biển, thường nghĩ doãn nhân, nghĩ sâu tình gấp bội, cúi tạ thường nhân, ngược quỷ không đợi, ô hô thương thay!

### **TẠ LINH VẬN, ĐỜI TỔNG, ĐIỀU PHÁP SƯ TUỆ VIÊN Ở LÔ SƠN**

Đạo còn một mối cho nên khác đời đồng sáng, đức hợp lý diệu cho nên khác nơi đồng đến. Thích Công chấn động gió màu ở cửa đá, Pháp sư nổi ngọn dòng ở Giang Tả, nghe gió mà vui, bốn biển đồng quay về. Ông bèn hoài nhân núi rừng chí cầu ở ẩn, vì thế chúng Tăng mây nhóm riêng tu tịnh hạnh, đồng pháp ăn gió dừng chậm cửa đạo. Đáng gọi là hiếu ngưỡng năm trăm, nổi gió Xá-vệ, ngọn Lô Sơn cúi truyền âm Linh Thứu, mệnh mông chưa hề nghe. Tôi tuổi chỉ học mong cuối môn nhân, tiếc thay nguyện chí thành bèn bỏ, trái hẳn đời này. Tuổi tám mươi bốn,

ngày mồng 06 tháng 08 mùa thu niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ mười ba ngài thị tịch, tuổi vọt buồng tâm, công theo thân mất, có trước đây sau ngàn năm rủ ánh sáng ô hô thương thay! Bèn làm bài điệu rằng:

*Xưa ngài An Công  
Đạo phong đầy đủ  
Đại pháp sắp hết  
Lưới đồ là gởi  
Thế tịnh dứt động  
Nhớ chân sửa ngụy  
Dùng hiếu thờ Thầy  
Lấy nghĩa nuôi trò  
Mở rộng pháp Phật  
Rưới khắp mưa pháp.*

Cúi trao Pháp sư, oai nghi đầy đủ, học không dòm phen, xét không ra cửa. Lúa thóc dầu ngự, làm riêng cây dương, rõ ràng nhà cao nghiêm túc pháp đình, đã nghiêm đã tịnh, càng cao càng sạch, theo dung âm chỉ, tài giỏi nghi hình, rộng diễn từ bi lợi ích chúng sinh, đường đường khí kia gắng gổ giúp kia, gồm sừng vị đạo, bỏ thân theo thầy, cúng dường Tam bảo, chế bỏ nghi ngờ, thanh hứa cứu giúp, nhân đức vui vẻ ở đâu hỏi đạo, bốn biển nương gió, có tâm mang theo. Giới đức nuôi thân, tiếng tăm vang xa, năm trước tạm hưng, hoằng đạo khen ngợi càng trống càng xung, mười sáu Vương tử, Nho Đồng Tiên Giác, Ngài cho xuất gia. Tuổi chưa chí học, như Đặng Lâm kia, cam lộ thấm nhuần, như ngọc quỳnh dao đã mài đã giũa. Đại tông ngược lên, tòa chúng nhóm rộng, bèn đến cùng nhà, chùa linh lại lập, xưa mong nghiên cứu, mới học thời tập, Ngài và Trí Húc cùng nhau thân thiện bèn tu La-thập Tông mong giao thái bèn dẫn thiền chúng, thân nương Tam-muội, điều tốt hợp chảy, thật cao thật lớn, cung kính đạo đức, vượt hơn lợi hại. Trời đất chung chăng? Núi lở biển cạn, mặt trời mặt trăng mất ánh sáng, ba quang chìm ánh sáng, các núi đổ ngã, vận sóng giữa kết, nương hóa rủ mối, gió vi diệu thường diệt, ô hô thương thay!

Sống đều xung tố, chết thêm đau xót, đơn trập quách đất, chỉ bày đồng kiểm hài, người trời cảm thương, Đế Thích thăm sâu, tập tập để lại gió, nương dựa thêm lạnh buốt, buồn thay Pháp sư, trọn vậy là dừng, nhà không dừng vang, đường có rộng bước, ô hô thương thay!

Cây thẳng tan ni, buồn đến sáu năm, kính mến Thù, Tứ, cúi sợ nơm bầy. Nay học trò ông, thật đồng khó này, sớm quét phòng trống, chiều khóc núi không. Ô hô Pháp sư, lúc nào trở lại, phong tiêu, trúc

bách, mây đầy ngọn núi, sông hang như khóc, núi rừng đổi sắc, từ xưa nghe gió chí nguyện quy y, núi sông đường xa, tâm qua hình trái, trước sau ôm hận, duyên xưa nhẹ nhỏ, An Dưỡng có nương, Diêm-phù không mong, ô hô thương thay!

**TRƯỜNG SƯỚNG, ĐỜI TỔNG,  
ĐIỀU KÍNH PHÁP SƯ Ở NÚI NHÃ NA**

Phàm đái vật mà đạo chơi có ra dụng sinh ngoại đạo, đến tự ngã ôm ấp mà vui, cho nên Hối Bảo dừng chân thật, dẫn đường cùng xe để ra khỏi Ngụy, Loan chạy trốn mối mây, đâu thêm xe hiên để vào Vệ. Là do người ngạo tục còn riêng đường kia, dân ở chỗ tối không buồn một mình sao, ta thường tuyên thơ dòng xưa chiếu rõ, cho nên đã kiểng chân cảm vịnh, thân tâm không đủ bèn xung riêng vận, tuổi nhỏ mà cao, khí vượt núi, chí sớm sẽ bay xa. Ban đầu dừng ở Lô Sơn, năm mới cạo tóc chí xa dằng đặc thẳng cả ngàn dặm, bèn cầu bỏ hình đến đạo quên nhà vào pháp.

Bấy giờ Sa-môn Thích Tuệ Viễn đầu biết kia cao rất cao, mà vì còn nhỏ nên chưa chấp nhận, bèn lên đầu con suối Thái Dương, đến chỗ trống nhảy vào chỗ hiểm, dùng thân đổi chí, Pháp sư cho là kỳ lạ bèn thân nhận. Mạo muội hoa bay liệng, nghiệp đời sau nhóm trắng sạch, đường tắt chưa nghiêm trước gió khổ tiết, đồng học không kể xiết sự nhọc mệt kia, như người không đổi tiết tháo kia.

Bấy giờ kinh tạng mới đến Đông độ, học tập hoa đá bèn bỏ đường muôn dặm thường đạo hàm lạc. Định tuệ hiểu nhau có ra dụng nhỏ nhiệm hàng ngày. La-thập đã mất, Tuệ Viễn cũng không còn, bèn trở lại chốn xưa đóng cửa ở trong núi sâu, không ra khỏi núi Nhã-na, ở đó hơn hai mươi năm. Dư Thúc hết bệnh trở về chỉ tưởng gió dừng, Pháp sư nương cảm đến chơi, nhóm tòa bàn yến, trong sạch tạ từ nói xong không chia biệt mà chia biệt, cho nên đã nói nín giao suốt mà động tịnh luống tròn. Gạn người có đầu lớn giỏi điều khéo chọn, thân ở chung buồng thả, gió lý giao dung, bèn dựa núi thành hiên, dừng rừng mở quán, tức người này nhân ngoài tâm khế hội ngược, sông Tây sóng mới núi Đông đã đổ xuống, gió mây đã hết, cây còn buồn tâm bi ai, nước mắt không dứt, ô hô thương thay, bèn làm bài điệu rằng:

*Ở trên còn vua  
Ca phụng ông hạc  
Chạy nhanh mây liệng  
Hiên cao hạc kêu*



Nguồn linh dòng đời  
 Người tối làm đời  
 Ông về đến đây  
 Bước xưa vận nhon  
 Kết dấu nương gió  
 Vàng theo chịu nghe  
 Ngọc ngang thì mát  
 Vàng ngọc đây chốn  
 Tuổi học còn nhỏ  
 Năm đây thường mới  
 Khiến đức đã cao  
 Tài giỏi chỉ khởi  
 Cao nhon muôn đời  
 Gió nêu ngàn dặm  
 Tình ái tưởng nhẹ  
 Nước nhà như cỏ  
 Hiểu người thông minh  
 Riêng buông huyền báu  
 Gồm nương bảy giác  
 Bay vượt tám đạo  
 Ba sông yên lặng  
 Lặng hơn Lô Sơn.

Đất cách muôn vật, dấu phép tắc từng nhiệm mầu, mệnh mông tuê trong sạch, kết nhà nương khói khu trước các cõi, đầu đường người trời, chúng ta chế dung nhóm gió mát kia, nghiệp chảy lạnh nhóm, tình trang trọng nhiệm mầu đồng, xuân thượng ngày sáng, trăng trong giữa thu, gang tắc không đậy, trời đất có thể cùng, vượt La-thập kia. Ba cõi đặc biệt tốt, chân tục mũ miện, thân đạo lãnh tụ, như người đối tiếng vang, nương xe liền vết, dệt lạnh nơi sa mạc, gió dài gánh tuyết, bỏ tay áo vào băng sương, buộc quần tiết chiều, ai đây hỏi bến, vầng vạc ở hiền triết, áo trẻ, đai già Khổng suy nghĩ, Chu nhớ mong, trăm thời như một. Kinh chỗ riêng mở, ngực đất đã đầy, cúi xin vỏ phách đời đây không sinh, xốt xa ở chiếu cây, khéo vào trong vòng, đạo xuất trên thân, cái gọi là y nhân, đường màu sáng riêng, trí trống ở tình, chiếu thật tương kia, sống trụ vô trụ, khác hoại tìm nhau, La-thập về cõi xưa, Tuệ Viễn bỏ đời nay, thợ đá vận gì, Bá Nha bỏ âm, ân ái trốn theo. Xưa vòng mạnh tâm ông, núi Đông mở dấu vết, tiêu cảnh Nhã-na, màn sớm đầu gió, chiếu xuân mây che, sân lưu kết cỏ, lại cồn ngâm sóng, trăng hiền đẹp phía Đông

mặt trời lặn xinh phía Tây, tình bước không lời, ngủ khởi cao tuyệt, mây trắng đến tháo, gió mát luyện tiết trải qua năm đường, đi ngang sáu thú, bốn đế quy tướng, ba thừa chung đường, sinh diệt ở pháp, các hạnh khó lường, người hiền hết củi, lửa xưa đời ánh sáng, ngày sáng chìm mê tối, giữa xuân nổi sương, ô hô thương thay!

Xưa tôi tóc đen, sớm yếm tiệp áo xanh, đưa chí chẳng phải năm, rước vận là tâm, nhà nghèo cha già, cày cấy mà chẳng đủ ăn, đến hịch theo vui, thân sạch riêng yếu. Đã cách ở hình, luống thông dùng đạo, tự ngã theo bịnh, đài cao núi Đông, trăng sáng đường vắng, mây trắng đường yên, nường thông gấm hết, trên gió dũi lời, hỏi tôi bao tuổi, xưa ở Lương Tuấn, y nhân trừ quán, dòng tâm rót vận, thế nào cao sáng, cách thành sáng tối, năm giầy tán lộng, ba chén ai uống, ô hô thương thay!

Non suối đồng bỏ, thông trúc buồn đau, sương móc sớm mùa thu, lạnh buốt đêm đông, ô hô thương thay!

Cáo, vượn, toan suy nghĩ, xa ứng thời nghe, rộng mở tánh phẩm, vô tánh là ai? Liên đài thành cỏ, so sánh quán chỉ buồn, còn mắt đã thay thế, viết sắc đau thương, ô hô thương thay!

Chúng sinh mất người hướng dẫn, muôn vật không chỗ nương, mát sai lầm đến đêm, trùng dương liên sáng, ô hô thương thay!

Y tứ mong đó mênh mông, lòng đau đón thương xót, dầu nước mắt đến đó có điềm, vốn buồn lại kia không điềm, ẩn dài suy nghĩ do buồn than, tha thứ dọc ngang ở lời lẽ, ô hô thương thay!

### **THÍCH TUỆ LÂM, NGƯỜI NAM TÊ, ĐIỀU PHÁP SƯ THÍCH HUYỀN VẬN Ở CHÙA TÂN AN**

Ngày Giáp ngọ mồng 08 tháng 05 niên hiệu Duy Kiến Võ năm thứ tư, Sa-môn Thích Huyền Vận qua đời, thần bỏ nguy thành, ô hô thương thay!

Pháp sư vốn người Tiều họ Thạch, ngụ ở Đôn Hoàng. Lúc nhỏ bẩm thọ thông minh tánh tình nhân hòa, lớn bên ý rộng đức cao, chân thật thẳng thẳng, xưa xem đạo thù thắng, bèn bỏ thế tục, vượt ngoài ràng buộc trần ngại, rửa cảnh bến huyền, dựng lập đạo pháp, đều do tuyệt nghi luật, tinh học diệu mầu thể vi tế, hạnh ẩn nhân mờ danh, tan chứa thí quên tướng, không đức mà xưng, ngày đêm tươi tốt, bày thuyết tốt đẹp vào lúc này, lý tư quan mữ ở giữa đời, chúng kính ngưỡng từ xa mà đến, trống đến thật về khắp nơi dấu vết. Vua, hậu, hai người tôn quý, xét anh tài trọng đánh lễ, đều vái đạo tôn thầy nhìn dâng cung kính, mà rộng lượng sâu xa không cho sang hèn khác nhau, ngó ngoài

lại kia. Sửa sang sâu xa không do nóng lạnh phẩm kia ô nhiễm, cho nên gồm tông tượng, cuối sùng chấn dòng lở, Pháp sư là người như vậy.

Duyên dạy rộng có hạn, ca tay mang sẽ hết, gió lửa bảo gạn càng thần nhiên sáng nơi thức nguy, thánh linh diệt hiện thường cung kính vui vẻ ở cáo tiệm, thọ sáu mươi chín tuổi, ô hô thương thay!

Ngoài bảm thức nghẹn, trong hỏi phách thăm thiết, kính đề vết xưa làm lời phù phiếm, điệu rằng:

*Trệ đời rộng lớn  
Biển khổ xa rộng  
Che dục đậy tu  
Lưới ái mở rộng  
Đèn pháp không sáng  
Trời tuệ bụi mù  
Nhà mục đổ ngã  
Lửa dữ nổi lên  
Hai nghi tiêu hủy  
Tính kia có tuổi  
Ba lần chuyển rộng  
Kiếp không ai tính  
Theo tối chống sáng  
Chìm sông chẳng cứu  
Tiếp gót đã thưa  
Là giúp mạng đời.*

Ngày đản sinh bậc thông minh hiền triết, giảng linh tự duyên, hòm nhỏ chứa đồ, có nêu tuổi nhỏ, thần cơ vất ấu thơ nghi giám sớm đọc, dụ như ngọc mới sáng, như châu mở suối, nhàm lia trần tục ô trước, siêu ngộ nhiệm mầu, quyết bỏ ngu si ràng buộc, lóng dứt tình trái, tuổi nhỏ tánh thẳng, lúc bé theo thầy nương phép tắc, xét nét cung kính, sửa oai nghi khuôn phép, chỉnh thân trong sạch, lặng sạch chân chánh tâm hạnh, học tập nguồn bí mật, hỏi tốt lý sâu xa. Trước ẩn dụng chiếu, nghi xưa đây soi, thợ thất lạc, công không phục tùng, tư tưởng cao, nghiệp đầy. Cho đến trung niên, rộng sâu mênh mông, luận nói pháp không, mây quét mặt trời sáng, nương ngã tư như di, mở ngăn trệ tự như mở cửa, phẩm loại mênh mông, cách thức là kính ngưỡng, sông bên phải chấn động, sông bên trái nêu xinh đẹp, tiếng nhân đức tuyên xưng duyên đạo giàu, cất nhắc, khen ngợi, hỏi han tìm cầu, vui vẻ chọn lựa nghiên cứu trao cho, nhân hậu như đất, chí cao như núi, dừng ăn đến nuốt, bỏ bông tơ khoe lạnh, chứa mặt trời không dừng, tiền tài để thí hết, thà hèn sắc

mặt ngạo nghễ, chẳng sang mà dung nhan vui vẻ, rất vui mừng như vậy, đều nhờ cỏ lan kia, dạy cho chỗ thích hợp, thức mờ đây sáng, trí chỗ dẫn dắt, việc do tâm mà thành, tiếp mờ mịn, hàng hóa tốt, võ về mê tình tha thứ, nường vi tế thỉnh cốt yếu, đều cùng nhau hưởng, đường hiểm hàng xa, khai dẫn có tốt cùng, sinh diệt vậy gọi nhau niệm niệm chẳng dừng, năm sang ít lưu, ánh sáng phía Tây thay nhau ép ngặt, mây biến chẳng dừng, sắp chở cõi tịnh, ô hô thương thay!

Thế nhiều bệnh khổ, lự suốt bốn tậ, thầy thuốc đồng bóng châm đá, chia thang tụt mất, điềm tĩn bạn pháp, chánh nghĩ bốn từ, không bỏ giới chăm chỉ, thệ cứu chúng sinh, ô hô thương thay!

Hợp đã trọn lia, giả hợp ứng tạ, đồng bi rừng tố, vắng lặng giữa đêm, người bàn điều thiện, nhìn trời ngắm xe, tức cung cam kia, bỏ nhà trần này, ô hô thương thay!

Lời vi diệu tuyệt vời nơi chìm mất, hủy ghe thuyền nơi bốn xa, lần lượt sùng trần trang nghiêm đẹp đẽ, điêu khắc xinh đẹp nhà cao rậm rạp. Bỏ hình có như để lại, đời tình linh kia ở chỗ nào, giúp dạy kính mong cúc xuân, không có nước mắt đều qua đời, ô hô thương thay!

### **HÀNH TRẠNG CỦA PHÁP SƯ TRÍ XUNG LUẬT SƯ CỦA CHÙA AN LẠC, ĐỜI NAM TỀ, MẮT TÊN NGƯỜI SOẠN**

Pháp sư húy là Trí Xung, người Văn Hủy, ở Hà Đông, họ Bùi, ôm nguồn trong của sông Phần Hội, bầm thọ chất tài giỏi của núi sông, chứa linh nhân ở trên lá, cảm tánh tuệ ở Diềm-phù, thẳng thay chỉ có trong sạch, ban đầu xưa đủ, mát sạch cung nghiêm thể để có được. Nhưng vận trời xác thật, hàm chương ẩn diệu, chìm mất mọi người, đầu thể so lường cái xa gần kia, bởi đường tắt xinh đẹp gang tấc, giấu ánh sáng nơi hang hốc bấu đầy thước chưa mổ đã thành, người xem xét lưới thức lớn đẹp kia, người nghe phí được tên lớn kia. Ky buộc mậu lữ gắng khởi bờ ruộng, tuổi lên ba mươi mới xem các kinh, lui mà than rằng: “Trăm năm trong phúc chốc, công danh là trọng, danh không thường, ở công khó cho xong. Đâu biết ngoài tài cao chót vót trong rộng lớn, lồng trùm sáng tối, lớn không bờ mé?”, vì kia có thầy, tôi biết quay về, bèn từ giã hẳn năm nhần, xét vạt áo bốn y, vấp nhọn mở phân vân, cho nên mới hết.

Trong niên hiệu Đại Minh đời Tống Ích Bộ có Thiên sư Ấn, khổ tiết quán động, làm chức Quốc sư. Thượng nhân nghe gió tự gá một mặt trọn thể, Ấn Công nói quay về Dung Thục, bèn nắm tay cùng lên thuyền. Đến niên hiệu Thái Thỉ năm đầu đời Tống xuất gia ở Vương

Lũy, chí thành cảm người trời, tin xuyên cả vàng đá, trực tâm Bát-nhã, cao bước đạo tràng, đã kính nghiệp nương thầy đến hiền biện chí. Ngao du chín bộ, rong ruổi ba thừa, Ma-la tuyên dịch, Long vương giấu kín, dấu lại thọ trì đọc tụng, nhưng chưa cho đo là tông, thường cho là nhiếp tâm vào dấu vết, dấu vết kín thì tâm xem xét. Hạnh do người mở mang, hạnh kín thì đạo còn, đâu phải trên trị người không trước ở lẽ? Nhân tà đời thiện đâu còn ở luật? có thể dong xe nơi nhà lửa, bay liệng trong biển khổ, nhìn ba đường mà chờ bước, trải qua muôn kiếp mà không suy, kia gọi là Côn ni? Bèn chọn lựa nhánh lá, gom nhặt gốc cây, đốn dây cương rửa tâm làm trách nhiệm của mình. Vì thế chống gậy đi xa ngàn dặm du học, ôm kinh trì bát trăm nhà không thôi, Tây trông núi gai, Nam qua Lẽ Phổ, dạo khắp Hoa Hạ, rộng tìm tòi học hỏi điều hay lạ, đất, cây, hình hài, tâm thức như ngọc khuê. Chẳng cao không ngược, không cứng chẳng công phá, ngủ chưa kịp nóng giường, suy nghĩ thì đến ăn không kịp nuốt.

Vào đạo ba năm, theo thầy bốn lần giảng, dạy nhanh, công gấp mà nghiệp đầy, kinh sáng, thường xưng đạo chẳng rơi dưới đất, người đều có tốt đẹp. Học Tuyên Ni đâu chống thường sư. Lúc bấy giờ, hai thượng nhân Cụ, Ấn trước nương Cao Lưu, phụng kêu Tây Sở, Luật sư Đạo Bảo Dĩnh hiệp nghe ôn hòa cho nên đến Đông đô, Pháp sư ở Giang Lăng bắm Cụ Ấn vì Chu mà trao, đến khi trở về Kinh Lạc chọn Dĩnh Công (Luật sư Dĩnh) làm bạn lợi ích, đều là điện Quyền Hoàn lời cao tốt cắt tinh hoa, bỏ cỏ đề cỏ kê mà ăn lúa gạo, hợp muối me mà thành vạc nấu ăn, lý kia luyện ý chỉ sâu xa kia, người chưa học được bao nhiêu đâu thể học theo. Đến thời Tần Thỉ Hoàng năm thứ sáu, ban đầu giảng luật Thập Tụng ở Chấn Trạch, mở rộng sự tương thân đạo trong gang tấc, cao bàn nêu ra Vân Hán, tinh nghĩa vào vô giá, tám muôn oai nghi vui mừng xướng lý. Chương cú năm bộ tiêu tan như bọt sóng, do đó kẻ hậu học biết tông, trước hiểu đối quán, sáng rõ khiến hỏi rất nhờ ở đây. Lẽ ra Pháp sư không khác lạ cách thức thực hành có sức khác, lời trong trọn ngày mà sự ở trong ấy, mây dừng ở Cụ Khu, ngôi kéo dài ở Kiến Nghiệp, nay không đợi phòng nghiêm cửa sổ tịnh, đi xa không mau thêm.

Từ Phương Đẳng đến nghi, biến Hồ thành Hán tài lớn học rộng, nổi trực sánh vai, tông Pháp Hoa, Duy-ma thường thường được nghe, Niết-bàn Thành Thật giảng nói, nơi nơi đến nhóm. Luật tạng hiến chương bấy giờ rất ít ỏi, chấn hưng bảo trì giếng mối thuộc nhân từ thời bấy giờ, như nguồn đầm rộng lớn sâu xa, cho nên già chỗ quay về hoặc, núi

cao hiểm trở che kín, trước tu hiểu điều tốt đẹp, đều chia che đầu lông, phân tán keo kết. Câu sau đến nỗi xa ngộ riêng trong lòng, cho nên có khả năng khiến cho ngược cửa phía Nam cung loan phía Bắc, tìm tiếng theo âm vang vạn dặm mà đến, muôn nhân tuổi càng trẻ, sợi dọc ngày càng mới, ngôi nhà cao mà dẫn dắt bốn chúng, chuyển pháp luân mà triều đình đồng nghiệp. Hơn hai mươi năm quân tử cho đạo này là trung hưng, dứt khánh điệu, che dòng tục. Cửa đỏ phòng hoa chẳng đi qua, Tề Cảnh, Lăng Văn, Tuyên Vương khinh thường ngàn xe, tâm trống tám giải thoát. Thường thỉnh Pháp sư giảng ở chùa ĐỂ. Đã chấp nhận cho giảng đức, hoặc cho là nên tu chủ khách Pháp sư cười và đáp rằng:

- Ta chưa rảnh, đến chánh vị hòm tượng mới giao như khối mông. Bấy giờ chiếu pháp mở rộng, sĩ mau như rừng, chủ khen đã chạy, khách nhiều dung nhan, phát đề bài mạng, nghi nạn nêu ra.

Lẽ ra Pháp sư ứng biến như tiếng vang, nếu không lưu đức, nhất biện đất lở, gánh gượng gãy sừng, đầu không kéo khắp, đi chẳng quen gốc mất cành. Hạng xem nghe xứng làm nhóm này, tánh Pháp sư vốn ngay thẳng mà có thể vui để hầu, hỏi ra lời này không hề có sắc giận dữ, gây gỗ, mình trống rỗng ước đều hết tài cán, y chỉ sơ dựa dạy đó như một. Lúc trẻ ở nhà chỉ có bạn là Hiếu Vu, thông thả giày bốn nhiếp, yêu đắm cả hai đều hết, thân thuộc bạn bè thơ không gởi mà không phát, trong tha thứ an ủi, ép mà không đến, thường nói rằng: “Đạo tục khác nhau cho nên Ưu-đà chính thân nương âm chỉ đâu theo lời kia mà bỗng dạy bảo kia”. Phiền não soi chiếu, tập quán nghiêm túc liền bỏ”.

Pháp sư đối với kinh Thập tụng ban đầu từ Ngô Hưng đến Kiến Nghiệp giảng hơn bốn mươi lần, soạn Nghĩa Ký tám thiên, y cứ lời bày chế, người học truyền thuật cho là tuyệt diệu xưa nay. Năm Pháp sư bảy mươi hai tuổi thuộc niên hiệu Vĩnh Nguyên năm thứ ba đời Tề, Ngài thân thân thị tịch ở chùa An Lạc huyện Kiến Khương. Tăng Ni đến đưa tang khóc như mất anh mất chị. Thiết nghĩ không nói mà tin, không gọi mà cảm, nói rằng: “Nếu hề kính hành chọn vui mừng, không hình ở sắc, người trí khéo dẫn dụ, rong rêu trôi mất”.

Lúc bấy giờ, đến tiền tài gồm lấy ở nghĩa, rõ đầy vương lớn không hề thay đổi, rộng lớn những chạc, bia biển, hoa sông chẳng thể đầy lượng kia, bởi biểu nghi của Tịnh Danh, là phép tắc dứt tâm ư? Đệ tử là Đạo Tấn cảm hương một đã suy, phẩm thương đức âm hằng tuyệt mất, thấp bày lòng tin mà có điềm, ngộ hầu truyền hương thơm mà không hổ thẹn.

## **HÀNH TRẠNG CỦA PHÁP SƯ CẢNH TRỤ CHÙA HƯƠNG SƯ PHONG, NÚI LÔ SƠN. (Ngô Hy)**

Pháp sư húy là Tăng Cảnh, người họ Âu Dương, làng Tương ở Hoàn Dương. Nhờ nhân lành đời vô thủy nên được xa ngộ đời nay, giữa thông lý, nhỏ mà tự nhiên, ưa tụng kinh, khéo giữ tiết tháo, đi đứng có cốt cách, thân miệng không nói lời khác lạ. Mười tuổi đã mất cha, thờ mẹ chí hiếu, mẹ vì Sư thỉnh nhà, nhà tốt mà chẳng ưa đấm, từ tạ không được lịnh.

Bấy giờ ngựa nhung sinh ngựa ô, lông hích đến ngày, thân mặc giáp mao chân đạp núi sông, lại qua mười năm. Dẫu ngoài phải khó khăn gai góc, mà bên trong kết từ bi, cho nên chưa lia mọi người đã có hạnh dứt tâm, sau đi qua Bành Lãi thấy Lư Nhạc mà vui, vì thế có chí suốt đời ở đó. Sau trở lại sông Tương, hơi bỏ có chẳng phải chỗ mùi vị đạo quên ăn, ngày ăn một bữa rau, sau được ra cửa hủy liền lia bỏ vợ nhà, bỗng mộng thấy thần núi Lô đánh lễ chí kính nói: “Lô Sơn, Duy Nhạc cao vút trời cao đây gọi là ba cung, vách dựng đứng cao muôn nhận, muốn mời chân nhân ở đó, nếu chân nhân không theo thì núi này hằng phế bỏ”. Lại mộng thấy mình nhận lời thỉnh mà đến Hương Lư Phong đánh cửa đá, thấy gác bạc lầu vàng suối đơn, cây ngọc bích cao chót vót, khắc gọt đời ít có. Vì vậy lúc gà gáy sáng liền thức giấc mà vẫn phơi phới.

Bấy giờ, Tăng chúng ở Giang Lăng phần nhiều có hành nghiệp, đều bảo Pháp sư rằng: “Pháp sư ở châu Kinh rất thịnh”, bèn do đây mái chèo đông từ đầu hạ nổi phía Tây, gặp Tăng Tịnh đạo nhân rất hiểu thiên định, bèn nói: “Thật là thầy ta” bèn cạo tóc để theo, ở thiền phòng Trúc Lâm, ban đầu nhin ăn im lặng suy nghĩ, suốt đêm không ngủ, quan thứ sử nghe danh vui mừng muốn gọi mời đến, hoặc nói rằng: “Người này đáng đến gặp gỡ, không thể bỏ qua”, vì thế bèn đến am tranh và được trao giới pháp, nhân sĩ ở Giang Hán cũng theo học nhiều như mây, trước là miếu thần núi linh nghiệm như tiếng vang, chống trái liền gặp tai ương, đã hơn mười năm. Pháp sư xem xét xét phòng nhà, thần bèn hiện thân làm lễ, sai hai thần đồng sớm chiều đứng hầu, có người nữ đồng bóng thấy mà hỏi, Pháp sư không đáp, thần Lô Sơn lại đến cố mời.

Đến tháng bảy, hiệu Vĩnh Minh năm thứ mười, Ngài chống gậy bên ngọn Phong gặp cảnh đã thấy trong mộng, bèn lấy tảng đá làm nền, dựa vào vách núi, làm nhà sửa sang lại rồi ngồi ngay suy nghĩ, lấy hổ báo làm bạn, các bậc tiên đức như Đàm Long, Tuệ Viễn cũng đến ở



đây, là chỗ ít có dấu chân người lui tới, bởi không chịu được sự buồn bã kia. Vả lại khí núi dày đặc khiến người đau đầu cảm sốt, chưa hề có ai ở đó mà không bỏ xuống núi chỉ có Pháp sư nếu đến là không bỏ đi. Đã khước từ giúp lúa gạo lại không tránh né khí tuyết sương, khi nắm leo vượt hiểm trở, hành động như bay, hoặc có bầy ma không ưa Pháp sư đến, có thể khiến biến thành sấm gió để thử, Pháp sư đã hiện thần dụng nghiệm nhiên bầy ma bèn lui. Lâu ngày lại chỗ hiểm tối tìm kiếm nơi làm cầu đá nhà đá, núi linh đất bí mật chỗ trăm thần dạo chơi, Pháp sư nói hương giới hạnh các thần đều cúi đầu đánh lễ.

Xưa, vị thần Ngô Mạnh được vào đây dạo xem, từ đó về sau chỉ có Pháp sư đến. Từ Hy Hoàng về trước chỉ có hai người mà thôi. Ban đầu Pháp sư vào núi hai năm, thiền vị chưa đầy đủ, thường xem xét tâm mình vào vắng lặng riêng thấy Phật Di-lặc thường nói rằng: “Đây là duyên gieo trồng từ kiếp trước”.

Mùa xuân niên hiệu Kiến Vũ năm thứ tư, Ngài bỗng nói với đệ tử rằng: Ta thọ phải chín mươi, nhưng nhiều năm không có ích cho đời, mà bốn đại có lụy với người, suy nghĩ cứu giúp chúng sinh, không được ở lâu nơi đây”. Đến ngày 21 tháng 07 Sư đặt nêu ở đầu mé Tây chót núi làm chỗ đặt thi hài, người chẳng ai biết, lại bị bệnh bảy ngày, sau bảy ngày nữa thì qua đời, thọ năm mươi tám tuổi. Ngày qua đời chấp tay nguyện rằng: “Xin được sinh vào ba đường để cứu tất cả chúng sinh khổ”, lại nói rằng: “Ta thí thân này cho chim qua, chớ có chôn”. Ban đầu Pháp sư gọi mấy người sau chùa an cư giảng trao, hoặc bảo Pháp sư rằng: “Nay muốn ra khỏi núi tìm thuốc”, lại khuyên dâng cơm nước Pháp sư nói: “Ta lụy ở thân này, và ta không thân thì ta có lụy gì, chớ nhiều lời”.

Sau khi mất sáu ngày mà dung mạo vẫn như sống, hai ngón tay co lại rồi duỗi ra như cũ, các Tỷ-kheo Túc Đức đều nói rằng: “Nếu là bậc đạo nhân phần nhiều lấy bảy làm số, Pháp sư từ khi bệnh cho đến chết không phải như vậy sao? Hai ngón tay không co duỗi cũng có lý do. Ban đầu ở Lư Phong riêng tuyệt lông cánh không sinh, từ khi Pháp sư đến có cặp chim đến làm ổ đến khi Pháp sư thác, chim cũng bỏ đi hẳn. Chỉ có Pháp sư xưa nhờ nguồn sâu xa lâu buộc tịnh nghiệp, cho nên từ bi hỷ xả giúp thành tánh, vi diệu huyền thông nhân tâm thì có, vào núi rừng mà không ra, bật vinh hoa mà vượt trội. Như bằng tám trân báu giúp cứng cốt, thuật chín chuyển diên hoa đều như cưỡi hải, chỉ trụ tâm định chí ở ghe báu vô giá, mền hộ hóa thành hện làm bờ kia, kính ngưỡng không suy lường, cho nên chưa được mà gọi.

## HÀNH TRẠNG NI TỊNH TÚ Ở CHÙA THIÊN LÂM, ĐỜI NAM TỀ. (Thẩm Ước)

Tỳ-kheo Ni Thích nữ Tịnh Tú vốn họ Lương, ở an định, người họ Ô. Trước xuất thân từ Thiệu Hạo đến Bà Ích Tà Vũ trị thủy, được vua ban họ Luy, thời vua Chu Hiếu phong cháu mười sáu đời chẳng phải con ở Tần, hội cháu Trần Trọng làm Hầu Bá Tuyên Vương, Bình Vương Đông Thiên phong Trần Trọng Thiệu Tử ở đời Lương gọi là Lương Bá. Đời Hán Cảnh Đế, Lương Lâm xây chùa Thái Nguyên Thái theo ở đất Bắc, họ Ô làm quận nhân. Từ lúc Quyết Hậu xưng phụ ở đời, danh đức càng sáng mũ miện càng rực rỡ. Nhà Hán, năm đầu niên hiệu Nguyên Gia, Lương Cảnh làm Thượng Thư, Thiệu Tập Hàn Thi làm thông Nho ở đời. Đời Ngụy, Lương Sáng làm Ty Đô Tả Trưởng Sử Bí Thư Giám, xem rộng các sách, khéo bàn lý màu. Trong thời Tần Thái Thỉ, Lương Xiển làm Thái sử ở châu Lương và châu Ung, tức là Nãi Tổ của Ni. Cháu của Xiển là Huy Tần, Phạm Dương, Vương Hao, làm Phiêu Ky Tham Quân Ngự Dương Thái thú, gặp Vĩnh Gia Thang Chiết Luân ở Ngụy Triệu làm Bí Thư Giám Chinh Nam Trưởng Sử, sau được về lại Tấn, làm chức Tán Ky Thị Lang, con là Trù Tự Đạo Độ làm Chinh Lỗ Tư Mã Tử Xán là tướng nhậm nhà Tống. Chinh Lỗ Phủ Tham Quân được phong Đô Đình Hầu ở huyện Long Xuyên, Ni là con gái thứ tư của Đô Đình Hầu, thông minh đỉnh đạt trí tuệ ngộ nhiều kiếp, thể diệu giải ngay năm đó, mà tánh nhu hòa điềm đạm không giống các trẻ nhỏ bình thường. Tuổi nhỏ mà thần tình cao vượt, phi thường hơn hạng đồng nhũ, hạnh nhân chuộng đạo, rửa chí nơi cửa pháp.

Đến năm mười tuổi niệm từ càng mạnh, bỏ phấn son, bỏ lụa là gấm vóc, tụng kinh hành đạo, trường chay đạm bạc. Năm mười hai tuổi thì xin xuất gia, người nhà cấm đoán ép buộc không cho. Vì thế tâm cầu thâm cảm một niệm chuyên tinh bền thường được cảm giáng điềm lành. Thứ lớp riêng vượt làm bậc tiên giác, mở dụ trong ngoài cho nên bền được tiết tháo thanh nhã, tánh chuộng điều lành, thông minh từ nhỏ, vượt hơn mọi người. Đến năm bảy tuổi tự nhiên trì trai, trong nhà mời Tăng hành đạo, nghe đọc kinh Đại Niết-bàn bền không ăn thịt, vì thế ăn rau không ăn thịt cá, cha mẹ biết là nếu gặp cá thịt liền bỏ đi.

Xưa, có Đạo nhân Phổ Luyện là người nước ngoài xuất hiện ở kinh đô, đi qua nhà họ Lương liền trao thọ năm giới, khuyên cố gắng vâng giữ chưa hề trái phạm, ngày đêm thường dùng lễ bái đọc tụng làm sự nghiệp chứ không có việc gì khác, và tay có thể thường tụ chếp kinh, có chút tiền bạc thì dùng làm công đức, không ưa kinh doanh việc đời.

Lúc trẻ muốn vào đạo, cha mẹ không cho bèn bỏ trôi theo năm tháng, đến năm hai mươi chín tuổi mới được toại chí, được chủ chùa Phục Ứng ở Thanh Viên cạo tóc cho cô. Cô thờ Thầy rất chí kính, tiên ý nương yếu chỉ tận tâm tận lực vẫn sợ phí thời gian, thân tu ba nghiệp ngày đêm chẳng biếng nhác, làm việc trong chúng thường thường đi đầu, tinh tấn siêng năng, gặp việc là làm xong hết. Có tiên sinh Khai Sĩ Mã ở Thanh Viên thấy liền thọ ký rằng: “Vị Ni này sẽ sinh lên cõi trời Đâu-suất”. Lại chính thân ngồi thiền ở điện Phật, có hai ba vị cùng ngồi thiền bỗng nghe trong hư không có tiếng giống như trâu rống, hai vị Ni bỗng kinh sợ chết giấc, Thượng Đàm tự nhiên như không, từ từ xuống giường thiền về phòng cầm đuốc đi tìm tiếng động ấy. Về đến lan can, hai Ni liền nghe trên chùa có tiếng người nói chuyện với nhau rằng: “Chúng ta nên tránh đường Sư ấy sắp trở lại”. Sau trở lại trong phòng thiền mà ngồi với mấy người bạn, có một vị Ni ngồi ngủ say mà ngáy trong giấc ngủ thấy một người cúi đầu vào nhà nói rằng: “Chớ kinh động Sư cô ấy”, vì thế vị Ni này không dám ngồi nữa, lại một hôm, lúc đang ngồi thiền, vị ni đồng bạn có chút duyên sự muốn xuống giường thiền, bỗng thấy có một người dơ tay chặn lại nói: “Chớ quấy nhiễu Sư cô ấy”, vì thế ém khí ra từ từ mừng chưa từng có. Các việc như vậy so ra rất nhiều, thường đã quên hết không thể ghi đủ.

Tánh ưa thích giới luật, tới, lui, cúi, ngược, đều muốn vâng thừa, vì vậy bèn thỉnh Luật sư Huy giảng dạy, trong tâm tự nghĩ, nhưng có cả ngàn việc, trong lòng lo lắng sự không xong. Ban đêm nằm mộng thấy chim quạ, chim khách, sáo, sẻ, oanh vũ đều kéo xe, xe có màn che, xe lớn nhỏ đều xứng với hình chim, chúng nói với nhau rằng: “Tôi giúp Sư cô đi giảng”, Ni thức giấc rất vui mừng vì biết việc sẽ thành. Đến chỗ giảng liền được bảy mươi vị đàn-việt lập bày đồ cúng dường, đồ ăn thức uống đều trong sạch. Sau lại thỉnh Luật sư Dĩnh khai luật, liền bỏ ngày giảng, nước trong tịnh bình tự nhiên thơm như hơi thơm của Thủy viên Ni rất lấy làm vui là đã ngồi thiền đắc định, đến nửa đêm mới đứng dậy thì không còn người bạn nào, liền tự nghĩ “Có phạm giới ngồi riêng chăng?” liền đi hỏi Luật sư, Luật sư nói là không phạm, nhưng trong ý còn do dự sợ mình có lỗi, lại thấy Tăng Ni các chùa phần nhiều không đúng như pháp, bèn thờ dài bụi ngùi than rằng: “Vết lớn chưa xa, mối linh mới suy đồi, tự mình chẳng dẫn lỗi trách thân thì đâu thể dẫn dắt người”, liền tự sám hối thực hành Ma-na-đỏa. Vì thế hai bộ chúng Tăng ở Kinh đô đều than thở rằng: “Người hành luật trong sáng khuôn phép đúng pháp như vậy mà còn tự suy nghĩ lỗi mình hướng chi chúng ta động

tịnh nhiều lỗi lầm mà không hổ thẹn ư?”, bèn cùng nhau sám hối khắp, không sót một ai.

Lại đến chỗ Luật sư Dĩnh ở Nam Viên để thọ giới, ngay ngày thọ giới nước trong tịnh bình lại thơm như trước, các Ni ở Thanh Viên và các chùa khác đều thọ giới lại, Luật sư vì thế cũng thứ lớp đến chùa mở bày giới phẩm, mở mang đại giáo, cho nên hiến chương phép tắc lưu xa đến nay. Luật sư Dĩnh lại ra lệnh trên hẹn lời Ni các chùa có giường cao, đồ thế tục đều phải sửa đổi, vâng lệnh cấm ngăn không ai chẳng vâng theo, sự hưng khởi Luật tạng từ đây bắt đầu.

Sau lại đến Tam tạng Pháp sư thọ giới, nước trong tịnh bình lại thơm như trước, không khác ở Thanh Viên, đồ chúng đã rộng thấy khác nhau. Sư đã trở về lại không có người hầu, vì vậy nghĩ riêng định lập trụ xứ, có thể được nghiêm Thánh bên ngoài thì bên trong mới an nhàn. Đến tháng tám niên hiệu Đại Minh năm thứ bảy đời Tống, Cố Hoàng Tu Nghi và Công chúa Nam Xương rất tôn sùng Tam bảo, kính mến đức hạnh, ban đầu đặt tinh xá, dâng vải gai bỏ mát mẻ, ăn rau hoắc quên đói, thân giữ ngôi đất trọn siêng năng cả ngày lẫn đêm. Cho đến niên hiệu Tân Thỉ năm thứ ba đời Tống, Minh Đế ban cho hiệu là Thiên Lâm, bởi tánh ưa vắng lặng, thâm cảm có điềm ứng, mà tạo khám đức tượng đều đầy đủ. Lại viết chép các kinh đều khiến đầy đủ trang hoàng nhuộm thành, đều tự nhiên có hai anh em Long vương Bà-già-la hiện dấu vết cả ngày không mất, kể tri thức qua lại đều thấy.

Ni nhận hơn mười người cùng ở dạy dỗ giáo hóa khen thưởng đều dạy tu thiền tụng, mỗi lần đến phụng thỉnh Thánh tăng thức ăn dâng lên đều có dấu lạ. Lại có một thời Ni chí thành thỉnh Thánh chúng cúng dường bảy ngày, lễ sám vừa xong, nhiếp tâm vận tưởng liền thấy hai đạo nhân nước ngoài giơ tay cùng nói, một người nói “Pháp La”, một nói “Tỳ Pháp La”, cả hai đắp ca sa màu như lá dâu nấu rục, do đó liền dùng bùn để nhuộm màu y như đã thấy, vì thế Tăng Ni xa gần đều bảo nhau đổi màu sắc của y, cho nên dứt được lỗi của năm đại, đạo tục có phần riêng.

Sau lại thỉnh năm trăm La-hán ở ao A-nậu-đạt, hằng ngày phàm thánh dự đại hội vô già, đã gần hai mươi ngày lập bày đồ cúng đầy đủ. Lại thỉnh năm trăm La-hán ở nước Kế Tân đủ dâng làm mười, và thỉnh phàm Tăng cúng dường như cách thức trước. Mới qua một ngày thấy có một vị đạo nhân nước ngoài mà chúng Tăng chẳng ai quen, vì thế thử nhau giả hỏi, tự nói là từ Kế Tân đến, lại hỏi: “Đến đây bao lâu?” Đáp: “Đến đây một năm”. Chúng Tăng biết lạ, sai người giữ cửa xem động

tĩnh của vị ấy, khi ăn xong bèn ở cửa Tống Lâm đi ra, liền sai người nhìn theo thấy đi ra từ cửa Tống Lâm hơn mười bước liền biến mất. Lại thường thỉnh Thánh tăng, đồ tắm đựng đầy nước thơm nóng và các tạp vật, nhân đó lễ bái, trong ngoài im lặng, bỗng nghe cái gáo buộc trong đồ đựng nước có tiếng như có người múc nước dùng, ý cho là hoặc có người ra, liền cùng đến xem chỉ thấy gáo nước tự nhiên dao động, cho nên biết là thần thánh khác thường.

Lại có lần giữa đêm bỗng thấy ánh sáng đầy nhà, tự nói là trời đã sáng bèn đứng dậy ra mở cửa, thấy bên ngoài vẫn còn tối liền đóng cửa, trở lại giường ngủ rất lâu trời mới sáng. Lại bị bệnh rất gấp, bỗng thấy luồng ánh sáng lớn, khắp cả thế giới, núi, sông, cây cối, rõ ràng không ngại, vui mừng tự cười một mình, người đi bên cạnh lấy làm lạ hỏi, Ni đáp đủ như điều đã thấy, liền có thể làm lễ, đọc tụng như thường không khác.

Lại có lúc: Ni bị căn bệnh rất nguy khốn, bỗng giờ hai tay giống như bưng vật gì, nói mà người bên cạnh không hiểu, hỏi rằng: “Bưng vật gì vậy?” Đáp: “Ta thấy tháp báu từ đất vọt lên, ý muốn đón lấy, tràng hoa kỹ nhạc chẳng chỗ nào không có”. Vì vậy tật bệnh bỗng nhiên được lành, đều không còn hoạn nạn.

Lại nữa bị bệnh trong mấy ngày cũng khác lạ, tư tâm hằng nhiều, nhìn hướng Đông chấp tay hướng lên hư không, trong khoảnh khắc gấp kéo lửa thơm, đổi thời chấp tay liền tự nói rằng: “Ta thấy Phật Di-lặc, các Thánh chúng Xá-lợi-phất. Mục-kiền-liên.... Chốc lát lại thấy Di-lặc hạ sinh ngẩng đầu cúi thành, nói rằng có người đem tràng hoa kỹ nhạc và ba đài đến rước, ở đây phước lọng, hoa, kỹ nhạc thế gian chẳng thể sánh được, trụ cả nửa ngày, một đài đã ở giữa đường, một đài chưa đến nửa đường, một đài chưa thấy, chỉ nghe mà thôi. Bấy giờ đã làm hai đài vì điềm này cho nên liền làm một đài”. Lại nói: “Có hai cây hoa báu ở bên”, người đến gần giường bảo “chớ làm hư hoa của ta, từ đây về sau sẽ hết bệnh, trước sau bị bệnh thường có điềm lành, hoặc được gió mát, hoặc gặp thuốc hay, hoặc nghe hương lạ, bình liền được lành, bình lành lý do đều bỗng nhiên hết như thế, việc ấy thường không thể chép đủ.

Lại niên hiệu Thiên Giám năm thứ ba, một hạ nọ Ni bị bệnh, ban ngày mộng thấy Bồ-tát Hư Không Tạng, liền tự nhiên quanh Bồ-tát và chúc tụng, tiếng chúc tụng phát ra bèn thức giấc, bệnh liền lành. Lại một hôm, nằm mở mắt thấy Phật đi vào, phát ra cờ phướn, lọng báu đầy nhà, sai người kê bên đốt hương mà người ấy không tự thấy gì.

Ngày 17 tháng 06 niên hiệu Thiên Giám năm thứ năm, Ni bị bệnh

khổ, tâm mê muộn không ăn uống. Pháp sư Lịnh ở chùa Bành Thành đêm ngày 19 tháng 06 mộng thấy một chỗ gọi là trên trời Đâu-suất, chỗ ở trang nghiêm đẹp đẽ, thế gian chẳng thể so sánh, nói đây là trụ xứ của Ni, liền thấy Ni ở trong đó. Vì thế Pháp sư có nói với Ni là ni được sinh về chỗ tốt đẹp, sẽ đón gặp nhau, Ni là Pháp sư tiểu phẩm là đàn việt, chớ thấy sai bỏ. Ni liền đáp: “Pháp sư là trượng phu lại rộng thông kinh giáo, lẽ ra phải ở chỗ thù thắng. Tôi là nữ nhi đâu có ích gì”. Pháp sư lại nói:

- Không phải, đâu là trượng phu mà không thể tinh tấn, trì giới thì không bằng Ni, thời thế đã chuyển xấu, cùng khiến Pháp sư ban sơ không thể gặp nhau.

Bệnh càng tăng, húp cháo ngày càng ít, cho là trị không ích gì lần đến mê dần. Đến ngày 12 tháng 07, trời mưa mát mẻ, sự mê muộn như có thuyên giảm, tự nói rằng: “Ta mộng thấy rước đến điện Phật phía Tây, người người cầm cờ phướn dụ như quân ở dưới đất, cờ phướn làm lịnh không khác quân đội ở thế gian theo lịnh cờ xí, trống chiêng. Đến ngày hai mươi thì không ăn uống gì hết. Đến ngày hai mươi hai bảo thỉnh chũng tăng quen biết nhóm lập hội, ý dường như muốn từ biệt. Đến ngày hai mươi lăm nói rằng: “Thấy chư Phật mười phương đầy khắp hư không”. Đến ngày hai mươi bảy sau Ngọ nằm im lặng rất lâu chừng nấu hai nồi cơm mới lại chuyển động, tự nói rằng: “Ta lên trời Đâu-suất thấy Phật Di-lặc và các Bồ-tát đều có màu vàng ròng, trong tay Ni tự có một tịnh bình bằng lưu ly, có thể cao ba thước để dâng lên Di-lặc, Phật liền phát ra ánh sáng chiếu trên thân Ni, đến trời Đâu-suất cũng không thấy ăn uống mà tự nhiên vẫn no cho nên không cần đồ ăn ở nhân gian, chỉ ngửi thấy mùi đồ ăn của thế gian đều rất hôi, do đó không chịu ăn”.

Lại ở trên trời kia, Ni được bánh Ba Lợi đem về, ý muốn cho Pháp sư Lịnh, có người hỏi: “Sao định đem bánh đi”, đáp: “Định cho Pháp sư Lịnh”, người này nói: “Pháp sư Lịnh là người trong quả báo đâu được ăn thức ăn trên cõi trời” bèn không cho đem đi. Đã muốn thấy Pháp sư Lịnh nhân cơ, Ni vì rước Pháp sư đến gặp nhau, nói Pháp sư hãy làm đồ ăn rau để nuôi đạo nhân ngôn thiền trong núi, nếu tu ba nghiệp mới được sinh lên cõi trời Đâu-suất, Pháp sư không ngồi thiền cho nên khiến làm lương thực ở núi, thượng đạo nhân muốn ngồi thiền với người nên làm nhân duyên như vậy.

Từ lúc vào tháng tám, thân thể cũng dần chuyển sang xấu, không còn nói việc khác, chỉ nói rằng có ba mươi hai đồng tử, một tên trời

---

Công đức, hai tên Thiện nữ thống lĩnh Ca-tỳ-la hằng đến ở hai bên cho ta sai khiến, hoặc nói “được người cho ăn uống, khiến trong chúng làm”, lại nói rằng: “Trong hư không ngày đêm đều có kỹ nhạc huyền ảo tai người”.

